

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29-7-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hương
Bà Đỗ Mỹ Lil

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Hoàng A, sinh năm 1978 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp S, xã L, tỉnh Cà Mau).

- Bị đơn: Bà Lưu Thị N, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp G, phường L, tỉnh Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Hoàng A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hoàng A và bà Lưu Thị N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1998, không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quá trình chung sống đến năm 2016, thì bà N bỏ về nhà cha mẹ ruột sống dẫn đến ly thân cho đến nay. Nay ông Hoàng A yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông Lê Hoàng A và bà Lưu Thị N có được 02 người con

chung tên Lê Hoàng V (nam), sinh năm 1998 và Lê Hoàng T (nam), sinh năm 2004. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Có 01 căn nhà cấp 4, máy lọc tôn, diện tích 70m² tại ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau, trị giá 160.000.000 đồng. Khi ly hôn, ông Hoàng A và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Ông Hoàng A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 05/6/2025, bị đơn là bà Lưu Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N thống nhất với lời trình bày của ông Hoàng A về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Nay bà N không đồng ý ly hôn với ông Hoàng A.

Về con chung: Bà N thống nhất với lời trình bày của ông Hoàng A, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung gồm có: 01 căn nhà cấp 4, máy lọc tôn, diện tích 70m² tại ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau, xây dựng năm 2016, trị giá 220.000.000 đồng; bộ S trị giá 32.000.000 đồng; tủ phê trị giá 5.200.000 đồng; tủ áo trị giá 3.800.000 đồng; bàn hình chữ nhật, 06 cái ghế inox trị giá 5.300.000 đồng; tủ lạnh hiệu Sanzo trị giá 3.800.000 đồng; tủ đựng bếp ga trị giá 1.200.000 đồng; bồn nước loại 3.000 lít, trị giá 3.800.000 đồng; 02 giường ngủ trị giá 1.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 276.600.000 đồng.

Nay bà N yêu cầu phân chia các tài sản trên thành 04 phần bằng nhau, bà N nhận nhà, tài sản và đồng ý giao lại cho ông Hoàng A và mỗi người con ¼ giá trị tài sản bằng tiền.

Về nợ chung: Bà N xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lưu Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hoàng A và bà Lưu Thị N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân năm 1998 nhưng trong quá trình chung sống, đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Hoàng A và bà N không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông Hoàng A và bà N có 02 người con chung tên Lê Hoàng V (nam), sinh năm 1998 và Lê Hoàng T (nam), sinh năm 2004, hiện nay

đã trưởng thành, điều kiện phát triển về thể chất và khả năng nhận thức bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Hoàng A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà N yêu cầu phân chia tài sản chung và yêu cầu nhận tài sản nhưng bà N không nộp tạm ứng án phí theo Thông báo số 162A ngày 05/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông Hoàng A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Lê Hoàng A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Lê Hoàng A và bà Lưu Thị N là vợ chồng.

2. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về nợ chung: Ông Lê Hoàng A và bà Lưu Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Ông Lê Hoàng A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 16 tháng 4 năm 2025, ông Lê Hoàng A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai số 0005489 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau), được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Lê Hoàng A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Lưu Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Minh Út